

Số: 4266 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
“Trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm” tại thôn 1, xã Ninh Sơn,
thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4003/QĐ-UBND ngày 03 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường; và Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh về việc sắp xếp cơ cấu của Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm” tại thôn 1, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa họp ngày 12 tháng 01 năm 2021;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm” tại thôn 1, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản số 41/VSF ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Ông Vũ Thanh Sơn ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ..A.8.0../TTr-STNMT-CCBVMT ngày ..A.8. tháng ..A.1. năm 2021.

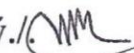
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm” (sau đây gọi là Dự án) của Ông Vũ Thanh Vân (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn 1, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại UBND xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: (VBĐT)

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Ninh Sơn;
- Chủ dự án;
- Lưu: VP+TL 7.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN TRANG TRẠI TỔNG HỢP VÂN SƠN FARM

(Kèm theo Quyết định số *12.666* /QĐ-UBND ngày *24* tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

1. Thông tin về dự án

- Tên dự án: Trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm
- Địa điểm thực hiện dự án: Thôn 1, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
- Chủ dự án: Hộ kinh doanh trang trại tổng hợp Vân Sơn Farm
- Địa chỉ: Thôn 1, xã Ninh Sơn, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.
- Quy mô của dự án:
 - + Chăn nuôi quy mô lớn với số lượng vật nuôi là 279.616 (con) tương đương 1.695 đơn vị vật nuôi (trong đó: 251.022 (con) gà thịt; 21.903 (con) gà giống; 4.113 (con) dê; 2.578 (con) cừu và nuôi trùn quế với diện tích 658,29 m²);
 - + Trồng trọt: 9.564,34 m² vườn ươm cây.
 - + Tổng công suất điện mặt trời 2,3 MW lắp trên tổng diện tích mái chuồng trại chăn nuôi là 13.737,04 m².
- Các hạng mục công trình chính:

Các hạng mục công trình chính của dự án được thể hiện trong bảng sau:

TT	Hạng mục	Diện tích, m ²	Kết cấu
I	Khu chăn nuôi	38.739,72	
1	Nhà nuôi gà	25.102,25	Hệ nhà kết cấu thép, mái lợp tôn, tường gạch bê tông.
2	Nhà nuôi gà giống	3.650,48	
3	Nhà nuôi dê	6.138,77	Hệ nhà kết cấu thép, mái lợp tôn, thành bao bằng gỗ
4	Nhà nuôi cừu	3.848,22	
5	Nhà nuôi trùn quế	658,29	Hệ nhà kết cấu thép, mái lợp

TT	Hạng mục	Diện tích, m ²	Kết cấu
			bằng tôn, tường gạch bê tông
II	Trồng trọt (nhà ươm cây)	9.564,34	Kết cấu khung thép, nền đất đầm chặt, tường gạch block
III	Hệ thống điện mặt trời trên mái	13.737,04	Lắp đặt trên mái chuồng trại chăn nuôi

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

Các tác động môi trường chính của dự án chủ yếu nước thải, nước mưa chảy tràn, bụi, khí thải, chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn hoạt động.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

+ Lưu lượng nước thải trong giai đoạn hoạt động cao nhất khoảng 15 m³/ngày đêm, chủ yếu là nước thải từ dọn rửa chuồng trại gà và dê cừu.

+ Nước thải rửa tấm pin năng lượng mặt trời: lưu lượng phát sinh khoảng 13,7 m³/ngày.

+ Nước thải sinh hoạt công nhân: khoảng 4,8 m³/ngày.

+ Tính chất nước thải trong giai đoạn hoạt động: Thời gian xả không liên tục. Nước thải có hàm lượng chất rắn lơ lửng, chứa các thành phần có thể phân hủy sinh học đặc trưng của quá trình chăn nuôi.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Chủ yếu mùi hôi phát sinh từ khu vực chuồng trại và khu vực xử lý nước thải.

2.4. Quy mô, tính chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khoảng 32 - 48 kg/ngày.

- Bao bì cám, vỏ lọ vắc xin, vỏ lọ chứa đựng thuốc, hóa chất không chứa thành phần nguy hại khoảng 8,4 kg/ ngày.

- Phân chuồng và độn lót khoảng 6.862 tấn/đợt chăn nuôi gà dê cừu;

- Gà chết không do dịch bệnh 11 con/ ngày khoảng 3,3 - 5,5 kg/ngày trong 1-10 ngày tuổi, dê cừu chết không do dịch bệnh 1 con/ ngày khoảng 9 - 10 kg/ngày trong 30 ngày tuổi.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Vỏ lọ vắc xin, vỏ lọ chứa đựng thuốc, hóa chất có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất phát sinh khoảng 25 – 30 kg/tháng.

- Khối lượng pin năng lượng mặt trời hư hỏng trong 1 năm 124,3 kg/ năm; khối lượng tấm pin cần thải bỏ khi hết hạn sử dụng 124,3 tấn.

- Khối lượng giẻ lau chùi thiết bị có dính dầu, mỡ 4kg/lần; hộp mực in, bóng đèn huỳnh quang thải,... khoảng 5kg/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải dọn rửa chuồng trại được thu gom về 02 hệ thống xử lý nước thải (Khu 1 là khu phía Bắc dự án, Khu 2 là khu còn lại) theo quy trình như sau: Nước vệ sinh từng dãy chuồng → Song chắn rác → Bể lắng cát → Hàm Biogas → Hồ lắng ổn định. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án như sau:

Stt	Công trình	Kích thước - Khu 1	Kích thước - Khu 2
1	Song chắn rác	- DxR: 953x300mm - Khoảng cách khe: 3,75mm - Vật liệu: Thép không gỉ, Inox 304	- DxR: 953x300mm - Khoảng cách khe: 3,75m - Vật liệu: Thép không gỉ, Inox 304m
2	Bể lắng cát	- DxRxC: 11x0,5x1,28m - BỂ BTCT	- DxRxC: 11x0,5x1,28m - BỂ BTCT
3	Hàm Biogas	- DxRxC: 7x7x1,5m - Thể tích chứa nước: 36 m ³ - Hàm biogas phủ bạt HDPE dạng hình chóp cụt tứ giác đều	- DxRxC: 8x8x1,5m - Thể tích chứa nước: 45 m ³ - Hàm biogas phủ bạt HDPE dạng hình chóp cụt tứ giác đều

Stt	Công trình	Kích thước - Khu 1	Kích thước - Khu 2
4	Hồ lắng ổn định	- DxRxC: 14,4x7,4x2m - Thể tích chứa nước: 89,8 m ³ - Hồ lắng hình ô van, kè đá hộ xung quanh hồ và lót bạt HDPE	- DxRxC: 15,4x6,4x3m - Thể tích chứa nước: 112 m ³ - Hồ lắng hình ô van, kè đá hộ xung quanh hồ và lót bạt HDPE

- Nước thải rửa tấm pin: Thu gom về ao lót bạt HDPE chống thấm dung tích 100m³. Định kì 3 tháng/lần tiến hành phân tích hàm lượng kim loại nặng trong nước. Nếu nước nhiễm kim loại nặng, Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

3.2. Thu gom và xử lý nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa cho khu vực dự án là hệ thống thoát nước riêng với nước thải sinh hoạt và nước thải vệ sinh chuồng trại.

- Thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, tận dụng tối đa địa hình tự nhiên.

- Khu vực chuồng trại bố trí mương hở bao quanh để thu gom nước mưa chảy tràn đến từ các khu vực lân cận, đảm bảo cho khu vực chuồng trại không bị ngập úng.

- Khu vực sân bãi thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ, không để vương vãi rác trên mặt bằng khuôn viên. Khu vực sân bãi được xây dựng với độ dốc thích hợp để thoát nước nhanh, tránh tình trạng ứ đọng nước mưa trên mặt đất.

- Nước mưa từ hệ thống rãnh, mương thu gom được dẫn về về 2 cửa xả phía Tây Bắc và Tây Bắc dự án, thiết kế rãnh thu nước dọc rìa phía đông bên cạnh taluy thu nước từ núi phía Đông chảy xuống.

3.3. Về xử lý bụi, mùi, khí thải:

- Xử lý mùi từ chuồng nuôi: bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục tăng cường độ thông thoáng; bố trí 2 bên hông đầu mỗi dãy chuồng trại các tấm làm mát (cooling pad) nhằm quản lý môi trường không khí, nhiệt độ, tốc độ gió phù hợp,...

- Toàn bộ đệm sinh học nuôi gà, dê cừu đều được trộn vi sinh giảm mùi trong quá trình chuẩn bị chuồng nuôi. Đồng thời định kỳ chủ dự án sẽ phun hợp

chất khử mùi nhằm giảm thiểu đáng kể mùi hôi phát sinh chuồng trại sau khi đã thu dọn phân.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí thùng rác để thu gom chất thải sinh hoạt và Hợp đồng với đơn vị thu gom rác tại xã để thu gom và xử lý.

- Chất thải rắn phát sinh trong quá trình chăn nuôi: Đầu tư 06 kho chứa phân và các chất thải phát sinh từ chăn nuôi có tổng diện tích 1.518 m².

+ Phân chuồng và độn lót: Được thu gom 1 lần sau khi kết thúc 1 vụ nuôi. Lượng phân này đã được phân hủy trên lớp độn sinh học có trộn vi sinh nên không còn phát sinh mùi đáng kể, phân được bán ngay cho người dân tại thời điểm thu gom. Lượng phân thừa sẽ được đưa vào nhà chứa phân lưu chứa để cho trùn quế ăn, bón phân cho cây trồng tại dự án.

+ Bao bì đựng thức ăn công nghiệp: thu gom, tập hợp tại khu vực riêng tại kho chứa và định kỳ trả lại đơn vị cung cấp.

+ Gà, dê cừu chết không do dịch bệnh: chôn lấp tại trang trại tại hố hủy xác đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Gà, dê cừu chết do dịch bệnh: thu gom và báo ngay với chính quyền địa phương, cơ quan thú y để tiêu hủy theo đúng hướng dẫn tại Phụ lục 06, Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/05/2016 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn.

- Pin mặt trời: bố trí nhà kho chứa 90m². Lựa chọn nhà sản xuất thỏa thuận về việc thu hồi, xử lý tấm pin. Trong trường hợp nhà sản xuất không thu hồi thì Chủ đầu tư sẽ liên hệ với các Công ty xử lý chất thải nguy hại trong nước để tiến hành thu gom, vận chuyển tấm pin đi xử lý. Chủ đầu tư cam kết không thải các tấm pin chưa qua xử lý ra môi trường ngoài.

- Các loại chất thải nguy hại khác: Thu gom và lưu trữ tại kho CTNH 45 m² gần khu xử lý nước thải 2. Chủ Dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và xử lý.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 11/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án trình bày tại mục 3 Phụ lục này.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Chương trình quản lý môi trường của dự án:

Nội dung cụ thể được trình bày tại Mục 5.1 Chương 5 báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

5.2. Chương trình giám sát môi trường của dự án:

5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm

*** Giám sát nước thải**

- Vị trí, số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu đầu vào và 01 mẫu đầu ra tại hồ lắng của 02 hệ thống xử lý nước thải.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, tổng N, tổng Coliform.

- Tần số giám sát:

+ Giai đoạn 1: 15 ngày/lần (tối thiểu 75 ngày).

+ Giai đoạn 2: 07 ngày liên tục.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

5.2.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thương mại

a) Giám sát không khí

- Vị trí, số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu không khí tại Chuồng gà; 01 mẫu không khí tại Chuồng dê cừu; 01 mẫu không khí tại khu xử lý nước thải 1; 01 mẫu không khí tại khu xử lý nước thải 2.

- Chỉ tiêu giám sát: Ô_n, SO₂, NO₂, CO, HC, bụi.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

+ QCVN 06:2009/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

+ QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Giám sát nước thải

* *Nước thải của hệ thống xử lý:*

- Vị trí, số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu nước thải đầu ra tại hồ lắng ổn định của khu xử lý 1 và 01 mẫu nước thải đầu ra tại hồ lắng ổn định khu xử lý 2.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD5, COD, tổng N, tổng Coliform.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

* *Nước thải từ quá trình rửa pin năng lượng mặt trời:*

- Vị trí, số lượng mẫu giám sát: 01 mẫu tại ao chứa (NR).

- Chỉ tiêu giám sát: As, Pb, Zn, Cu, Cd, Cr (VI).

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)

c) Giám sát nước dưới đất

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại giếng khoan trong dự án

- Thông số giám sát: pH, chỉ số pemanganat, độ cứng, TDS, Amoni, Nitrat, Nitrit, Clorua, Sulfat, As, Fe, Cu, Coliform, E.coli.

- Tần suất: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.

6. Các điều kiện khác liên quan đến môi trường:

- Trong quá trình thực hiện dự án, Chủ dự án phải thực hiện nghiêm túc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường không khí, đất, nước khu vực dự án và các công trình lân cận. Lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định quản lý chất thải và phế liệu được quy định tại Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hợp nhất tại văn bản số 09/VBHN-BTNMT ngày 25 tháng 10 năm 2019; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại và Thông tư số 08/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất thải xây dựng.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, khu dân cư Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho UBND thị xã Ninh Hòa, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Phải thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ trại nuôi, nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường về Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các quy định về cấp phép khai thác nước ngầm theo quy định của Luật Tài nguyên nước.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các thủ tục trước khi triển khai thực hiện dự án để cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận dự án; thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy; chuyển đổi mục đích sử dụng đất; Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối

tượng phải có giấy phép xây dựng... theo quy định tại khoản 2, Điều 25 Luật bảo vệ môi trường và quy định pháp luật liên quan.

- Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

